TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN V** **TỈNH H**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2023/HS-ST
Ngày 06-6-2023.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V, TỈNH H

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xuân.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Minh Biên.

2. Ông Phùng Ngọc Tuấn.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Trần Thị Nga - Thư ký Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh H.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhật Tân - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 6 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh H xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 18/2023/TLST-HS ngày 26 tháng 4 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2023/QĐXXST-HS ngày 22 tháng 5 năm 2023 đối với:

Bị cáo: Xuân Văn D, sinh ngày 15/11/1998 tại huyện V, tỉnh H; Nơi cư trú: Thôn Mường Nam, xã Phú L, huyện V, tỉnh H; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 11/12; Dân tộc: Tày; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Đảng phái, đoàn thể: Không; Con ông Xuân Hồng V, sinh năm 1972; Con bà Hoàng Thị B, sinh năm 1972; Vợ, con: Chưa có.

Tiền án: Có 01 tiền án, bị Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh H tuyên phạt 22 *(hai mươi hai)* tháng tù giam về tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" tại Bản án số 07/2023/HS-ST, ngày 09/3/2023;

Tiền sự: Có 01 tiền sự, bị Công an thành phố H, tỉnh H xử phạt vi phạm hành chính về hành vi "Sử dụng trái phép chất ma túy" bằng hình thức cảnh cáo tại Quyết định xử phạt hành chính số 00259/QĐ-XPHC, ngày 14/01/2023;

Nhân thân:

- Ngày 05/4/2020 bị Công an xã Phú L xử phạt vi phạm hành chính về hành vi "đánh bạc" bằng hình thức phạt tiền 1.500.000đ *(một triệu năm trăm nghìn đồng)*. Đã chấp hành xong;

- Ngày 09/11/2020 bị Công an phường Trần P xử phạt vi phạm hành chính về hành vi "Sử dụng trái phép chất ma túy" bằng hình thức phạt tiền 750.000đ *(bảy trăm năm mươi nghìn đồng)*. Đã chấp hành xong.

Bị cáo Xuân Văn D đang chấp hành Quyết định thi hành án hình sự số: 19/2023/QĐ-CA ngày 12/4/2023 của Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh H. Hiện nay đang chấp hành án tại Trại giam Tân L, huyện H, tỉnh Phú T. Có mặt

Bị hại:

- Anh Đặng Văn B, sinh năm 1987; Địa chỉ: Thôn Thíp, xã Vô Điếm, huyện B, tỉnh H. Vắng mặt.

- Anh Nông Văn Nh, sinh năm 1990; Địa chỉ: Thôn Bản Đông, xã Linh Hồ, huyện V, tỉnh H. Vắng mặt.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

- Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1993; Địa chỉ: Tổ 5, thị trấn Nông Trường Việt Lâm, huyện V, tỉnh H. Vắng mặt.

- Anh Trần Văn T, sinh năm 1985; Địa chỉ: Tổ 10, phường Nguyễn Trãi, thành phố H, tỉnh H. Vắng mặt.

- Anh Lèng Vi Ch, sinh năm 1996; Địa chỉ: Thôn Phai, xã Bạch Ngọc, huyện V, tỉnh H. Vắng mặt.

- Anh Nguyễn Văn D, sinh năm 1989; Địa chỉ: Tổ 6, thị trấn Vị Xuyên, huyện V, tỉnh H. Vắng mặt.

Người làm chứng:

- Chị Lý Thị K, sinh năm 1993. Vắng mặt.

-Anh Hoàng Văn C, sinh năm 1998. Vắng mặt.

- Anh Nông Văn L, sinh năm 1988. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào các ngày 06/11/2022 và 14/11/2022, do cần tiền tiêu xài cá nhân Xuân Văn D, sinh năm 1998; HKTT: thôn Mường Nam, xã Phú L, huyện V, tỉnh H đã thực hiện hành vi "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" cụ thể như sau:

Lần 1: Khoảng hơn 08 giờ 00 ngày 05/11/2022, Đặng Văn B, sinh năm 1987; HKTT: Thôn Thíp, xã Vô Điếm, huyện B, tỉnh H gọi điện thoại rủ Xuân Văn D hẹn đến nhà nghỉ An Bình Minh (thuộc thôn Vạt, thị trấn Việt L, huyện V, tỉnh H) để chơi, D đồng ý. D một mình đi bộ ra đường liên xã Phú L và đi nhờ xe của người đi đường (không quen biết) đến thôn Vạt, xã Việt L, huyện V và đi bộ vào nhà nghỉ An Bình Minh. Tại đây, D gặp B tại phòng nghỉ số 103 do B thuê sẵn từ trước, rồi D thuê phòng số 101 của nhà nghỉ An Bình Minh để

nghỉ. Đến khoảng 16 giờ 00 phút ngày 06/11/2022, D sang phòng 103 tìm B và nói "*anh cho em mượn xe mô tô, mượn điện thoại để đi ra ngoài mua bánh mỳ và đi chơi loanh quanh rồi tối về em trả",* B đồng ý. Lúc này trong phòng 103 còn có Lý Thị K, sinh năm 1993; Địa chỉ thôn Vạt, xã Việt L, huyện V, tỉnh H (là bạn gái của B) đang ngồi chơi. B đưa 01 (một) chìa khóa của xe mô tô biển kiểm soát: 23D1- 400.07 nhãn hiệu HONDA, loại BLADE, màu sơn: Đỏ - đen và 01 *(một)* điện thoại di động IPHONE 6 màu ghi cho D. Sau đó, D điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 23D1- 400.07 đi chơi ở khu vực xã Việt L, huyện V, tỉnh H. Đến khoảng 17 giờ 00 phút cùng ngày, sau khi mua bánh mỳ ăn xong, do không còn tiền tiêu xài nên D đã nảy sinh ý định cầm cố điện thoại di động IPHONE 6 của Đặng Văn B. D mang điện thoại di động IPHONE 6 đến cầm cố cho Nguyễn Văn T, sinh năm 1993; Địa chỉ: tổ 05, thị trấn Nông trường Việt L, huyện V, tỉnh H được 500.000đ *(năm trăm nghìn đồng).* Sau đó, D tiếp tục điều khiển xe mô tô biển kiểm soát: 23D1- 400.07 đến thành phố H chơi, sau khi tiêu hết số tiền 500.000đ (*năm trăm nghìn đồng*) D tiếp tục nảy sinh ý định cầm cố xe mô tô biển kiểm soát: 23D1- 400.07 để lấy tiền. D mang xe mô tô biển kiểm soát: 23D1- 400.07 đến cầm cố cho Trần Văn T, sinh năm 1985; Hộ khẩu: tổ 10, phường Nguyễn Trãi, thành phố H, tỉnh H được 3.500.000đ *(ba triệu năm trăm nghìn đồng)*. Sau khi lấy được tiền D mang đi chi tiêu hết vào việc cá nhân. Đặng Văn B nhiều lần liên lạc với Xuân Văn D để lấy lại xe mô tô biển kiểm soát: 23D1- 400.07 và điện thoại di động IPHONE 6 nhưng Xuân Văn D không có khả năng lấy lại những tài sản đã cầm cố để trả lại cho B. Đến ngày 10/01/2023, Đặng Văn B có đơn tố giác tội phạm đến Cơ quan điều tra Công an huyện V, tỉnh H.

Lần 2: Quá trình điều tra vụ án, ngày 13/2/2023, Cơ quan điều tra tiếp nhận đơn của Nông Văn Nh, sinh năm: 1990; Địa chỉ: thôn Bản Đông, xã Linh H, huyện V, tỉnh H tố giác Xuân Văn D về hành vi: Khoảng 15 giờ 00 phút, ngày 14/11/2022 Xuân Văn D một mình đi đến quán Bida của Nông Văn Nh ở thôn Tát Hạ, xã Linh H, huyện V, tỉnh H để chơi. Đến khoảng 18 giờ 00 phút cùng ngày, D nói với Nh *"anh cho em mượn xe em đi lên chợ có tý việc một lúc rồi về em trả",* Nh đồng ý. Nông Văn Nh giao chìa khóa xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, loại SIRIUS, màu xám-đen, biển kiểm soát 23H1 - 192.63, đã qua sử dụng cho D. Lúc này có Nông Văn L, sinh năm 1988; Địa chỉ: thôn Bản Vai, xã Linh H, huyện V, tỉnh H là người chứng kiến. Sau đó, D một mình điều khiển xe mô biển kiểm soát 23H1 - 192.63 đến thị trấn Vị Xuyên, huyện V, tỉnh H đi tìm quán ăn. Sau khi ăn đêm xong D điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 23H1-192.63 đến cửa hàng của Hoàng Văn Ch, sinh năm 1998; thuê tại tổ 10, thị trấn Vị Xuyên, huyện V để chơi. Tại đây D gặp Lèng Vi Ch, sinh năm 1996; Địa chỉ: thôn Phai, xã Bạch Ngọc, huyện V, tỉnh H (là bạn của D) và cả hai người cùng ngủ qua đêm ở quán của Hoàng Văn Ch. Khoảng 15 giờ 00 phút ngày 15/11/2022, D nảy sinh ý định chiếm đoạt xe mô tô biển kiểm soát 23H1-192.63 bán lấy tiền tiêu xài nên nhờ Lèng Vi Ch mang xe đi bán hộ. D nói với Ch *"xe mô tô là xe của mình có giấy tờ xe nhưng không mang theo, cứ bán đi không sao đâu"*. Sau đó, Ch điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 23H1 - 192.63 bán cho Nguyễn Văn D, sinh năm 1989; Địa chỉ: tổ 06, thị trấn Vị Xuyên, huyện V được 5.000.000đ *(năm triệu đồng)*, rồi về

đưa tiền bán xe mô tô cho D. Khi đó, D cho Ch 1.000.000đ *(một triệu đồng)* còn D cầm số tiền 4.000.000đ *(bốn triệu đồng)* mang đi tiêu xài hết vào việc cá nhân. Nông Văn Nh nhiều lần liên lạc với Xuân Văn D để lấy lại tài sản nhưng không liên lạc được với D.

Tại Bản kết luận định giá tài sản ngày 03/02/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện V (BL 85-86), kết luận: 01 *(một)* xe mô tô biển kiểm soát: 23D1-400.07 nhãn hiệu HONDA, loại BLADE, màu sơn: Đỏ - đen, xe cũ đã qua sử dụng có giá 14.000.000đ *(mười bốn triệu đồng)*; 01 *(một)* điện thoại di động IPHONE 6 màu ghi, đã qua sử dụng có giá 500.000đ *(năm trăm nghìn đồng)*. Tổng cộng: 14.500.000đ *(mười bốn triệu năm trăm nghìn đồng)*.

Tại Bản kết luận định giá tài sản ngày 30/3/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện V (BL 101-102), kết luận: 01 *(một)* xe mô tô biển kiểm soát: 23H1-192.63 nhãn hiệu YAMAHA, loại SIRIUS, màu sơn: xám - đen, xe cũ đã qua sử dụng có giá 12.000.000đ *(mười hai triệu đồng)*.

Kết quả nhận dạng vào ngày 02/03/2023 (BL số 113-130) và ngày 06/03/2023 (BL 131-139): Xuân Văn D đã nhận dạng chính xác xe mô tô biển kiểm soát: 23D1-400.07, điện thoại di động IPHONE 6 màu ghi và xe mô tô biển kiểm soát: 23H1-192.63.

Tại cáo trạng số: 18/CT-VKS -VX ngày 24 tháng 4 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh H. Quyết định truy tố đối với bị cáo Xuân Văn D về tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 175 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa ngày hôm nay:

Bị cáo Xuân Văn D khai nhận vào các ngày 06/11/2022 và 14/11/2022, do cần tiền tiêu xài cá nhân, Xuân Văn D, sinh năm 1998; HKTT: thôn Mường Nam, xã Phú L, huyện V, tỉnh H đã lợi dụng sự quen biết, tin tưởng của các bị hại để thực hiện hành vi mượn tài sản là 01 *(một)* xe mô tô biển kiểm soát: 23D1-400.07 nhãn hiệu HONDA, loại BLADE, màu sơn: Đỏ - đen, xe cũ đã qua sử dụng có giá 14.000.000đ *(mười bốn triệu đồng)*; 01 *(một)* điện thoại di động IPHONE 6 màu ghi, đã qua sử dụng có giá 500.000đ *(năm trăm nghìn đồng)* của Đặng Văn Bình tại Thôn Thíp, xã Vô Điếm, huyện B, tỉnh H và 01 *(một)* xe mô tô biển kiểm soát: 23H1-192.63 nhãn hiệu YAMAHA, loại SIRIUS, màu sơn: xám - đen, xe cũ đã qua sử dụng có giá 12.000.000đ *(mười hai triệu đồng)* của Nông Văn Nh, tại thôn Bản Đông, xã Linh H, huyện V, tỉnh H, sau đó mang đi bán, cầm cố để lấy tiền chi tiêu cá nhân. Bị cáo D nhận thức hành vi của mình là vi phạm pháp luật.

Bị cáo nhất trí bồi thường cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án anh Trần Văn T số tiền 3.500.000 đồng là tiền bị cáo D cầm cố xe mô tô của bị hại Đặng Văn B và anh Nguyễn Văn D số tiền là 5.000.000đ là tiền bán xe mô tô của bị hại Nông Văn Nh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V thực hành quyền công tố tại phiên tòa có quan điểm giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Xuân Văn D. Đưa ra chứng cứ đánh giá mức độ hành vi phạm tội và thái độ thành khẩn khai báo của bị cáo;: Lời khai của bị hại; lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án; lời khai người làm chứng có trong hồ sơ cùng các tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V đề nghị với HĐXX:

Về tội danh: Tuyên bị cáo Xuân Văn D về tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản".

Về hình phạt: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 175; Điều 38; Điều 56; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015.

Đề nghị xử phạt bị cáo Xuân Văn D từ 24 tháng đến 26 tháng tù. Bị cáo Xuân Văn D đã bị Tòa án nhân dân thành phố H tuyên phạt 22 tháng tù về tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" tại Bản án số 07/2023/HS-ST, ngày 09/3/2023, đề nghị HĐXX quyết định hình phạt đối với tội đang xét xử và quyết định hình phạt chung của bản án đã tuyên (ngày 06/6/2023) và hình phạt của bản án xét xử ngày 09/3/2023 để buộc bị cáo D phải chấp hành hình phạt chung của cả hai bản án từ 46 tháng đến 48 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam 24/11/2022.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Xuân Văn D.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 357, Điều 585, Điều 589 Bộ luật dân sự năm 2015. Đề nghị HĐXX buộc bị cáo D bồi thường cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án anh Nguyễn Văn D số tiền là 5.000.000đ (*Năm triệu đồng*) và anh Trần Văn T số tiền là 3.500.000đ *(ba triệu năm trăm nghìn đồng*).

Bị hại Bình và bị hại Nh đã được nhận lại tài sản bị D chiếm đoạt và không yêu cầu D phải bồi thường gì thêm. Do vậy, không đề nghị xem xét giải quyết.

Về án phí và quyền kháng cáo: Đề nghị HĐXX giải quyết theo quy định của pháp luật.

Phần tranh luận tại phiên tòa: Bị cáo Xuân Văn D nhất trí với bản luận tội của đại diện Viện kiểm sát và không có tranh luận gì.

Lời sau cùng của bị cáo: Bị cáo D nhận thức được hành vi phạm tội của mình là vi phạm pháp luật. Bị cáo xin HĐXX giảm nhẹ hình phạt tù sớm về với cộng đồng và gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án HĐXX nhận thấy Cơ quan điều tra; Điều tra viên; Viện kiểm sát; Kiểm sát viên

đã thực hiện hành vi, quyết định tố tụng về khởi tố vụ án, khởi tố bị can, ra biện pháp bắt tạm giam, ra quyết định truy tố; thu thập chứng cứ tài liệu, vật chứng đã khách quan, phù hợp với quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng: Tại phiên tòa, vắng mặt những bị hại Đặng Văn B, Nông Văn Nh; những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án có đơn xin xét vắng mặt. Xét thấy trong quá trình điều tra, lời khai của họ không mâu thuẫn với lời khai của bị cáo, các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án và không ảnh hưởng đến việc xét xử. Đại diện Viện kiểm sát, bị cáo đồng ý xét xử vắng mặt những người này. Căn cứ vào Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án.

[3] Về căn cứ định tội, định khung hình phạt: Tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận: Vào các ngày 06/11/2022 và 14/11/2022, bị cáo đã lợi dụng quan hệ quen biết với Đặng Văn B và Nông Văn Nh để tin tưởng cho mượn tài sản sau đó mang đi bán, cầm cố lấy tiền tiêu sài cá nhận gồm: 01 *(một)* xe mô tô biển kiểm soát: 23D1-400.07 nhãn hiệu HONDA, loại BLADE, màu sơn: Đỏ - đen, xe cũ đã qua sử dụng có giá 14.000.000đ *(mười bốn triệu đồng)*; 01 *(một)* điện thoại di động IPHONE 6 màu ghi, đã qua sử dụng có giá 500.000đ *(năm trăm nghìn đồng)* của Đặng Văn B tại Thôn Thíp, xã Vô Điếm, huyện B, tỉnh H và 01 *(một)* xe mô tô biển kiểm soát: 23H1-192.63 nhãn hiệu YAMAHA, loại SIRIUS, màu sơn: xám - đen, xe cũ đã qua sử dụng có giá 12.000.000đ *(mười hai triệu đồng)* của Nông Văn Nh, tại thôn Bản Đông, xã Linh H, huyện V, tỉnh H. Lời khai của bị cáo Xuân Văn D phù hợp lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp lời khai của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người làm chứng cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. HĐXX xét thấy đã có đủ căn cứ để kết luận bị cáo Xuân Văn D phạm tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" theo điểm a khoản 1 Điều 175 Bộ luật hình sự năm 2015 như Viện kiểm sát truy tố là đúng người, đúng tội.

Tại điểm a khoản 1 Điều 175 Bộ luật hình sự năm 2015 quy định:

"1. Người nào thực hiện một trong những hành vi sau đây chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 4.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 4.000.000 đồng nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi chiếm đoạt hoặc đã bị kết án về tội này hoặc về một trong các tội quy định tại các điều 168, 169, 170, 171, 172, 173, 174 và 290 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm hoặc tài sản là phương tiện kiếm sống chính của người bị hại hoặc tài sản có giá trị đặc biệt về mặt tinh thần đối với người bị hại, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

a) Vay, mượn, thuê tài sản của người khác hoặc nhận được tài sản của người khác bằng các hình thức hợp đồng rồi dùng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt

tài sản đó hoặc đến thời hạn trả lại tài sản mặc dù có điều kiện, khả năng nhưng cố tình không trả;

[4] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo D bị áp dụng tình tiết tăng nặng "Phạm tội 02 lần trở lên" theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

[5] Các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại phiên toà và quá trình điều tra, bị cáo D thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải đây là tình tiết giảm nhẹ hình phạt khi lượng hình theo quy định tại điểm s khoản 1Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015.

[6] Tính chất và mức độ của hành vi phạm tội: Bị cáo Xuân Văn D là người có đủ năng lực hành vi chịu trách nhiệm hình sự. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, làm mất an ninh, trật tự, mất lòng tin trong xã hội. Bị cáo ý thức được việc chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vì tư lợi cá nhân mà bị cáo đã bất chấp pháp luật, cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Do đó, để có tác dụng giáo dục bị cáo ý thức tuân theo pháp luật, cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới có tác dụng răn đe, giáo dục bị cáo trở thành công dân có ích cho gia đình và xã hội, đồng thời có tác dụng phòng ngừa chung loại tội phạm này theo quy định tại Điều 175 Bộ luật hình sự là phù hợp với quan điểm của Kiểm sát viên đưa ra tại phiên tòa.

[7] Bị cáo D không có thu nhập ổn định. Do vậy, không áp dụng hình phạt tiền bổ sung đối với bị cáo.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 375, Điều 585, Điều 589 Bộ luật dân sự năm 2015. Điều 3, Điều 6 Nghị quyết số: 02/2022/NQ-HĐTP ngày 06/9/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao "*Hướng dẫn áp dụng một số quy định của bộ luật Dân sự về trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng.* HĐXX xét thấy:

[9] Bị hại B và bị hại Nh đã được nhận lại tài sản bị cáo D chiếm đoạt và không yêu cầu D phải bồi thường gì thêm. Do vậy, HĐXX không xem xét giải quyết.

[10] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án anh Nguyễn Văn D yêu cầu bị cáo Xuân Văn D phải hoàn trả số tiền là 5.000.000đ (*Năm triệu đồng*). Bị cáo D nhất trí bồi thường thiệt theo yêu cầu của anh D. HĐXX xét thấy cần chấp nhận, buộc bị cáo D phải bồi thường cho anh Nguyễn Văn D, sinh năm 1989; Địa chỉ: Tổ 06, thị trấn Vị Xuyên, huyện V, tỉnh H số tiền 5.000.000đ và chịu lãi xuất chậm trả theo quy định.

[11] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án anh Trần Văn T yêu cầu bị cáo Xuân Văn D phải hoàn trả số tiền là 3.500.000đ (*Ba triệu năm trăm nghìn đồng*). Bị cáo D nhất trí bồi thường thiệt theo yêu cầu của anh T. HĐXX xét thấy cần chấp nhận, buộc bị cáo D phải bồi thường cho anh Trần Văn T, sinh năm 1985; Địa chỉ: Tổ 10, phường Nguyễn Trãi, thành phố H, tỉnh H số tiền 3.500.000đ và chịu lãi xuất chậm trả theo quy định.

[12] Về vật chứng vụ án: 01 *(một)* xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại BLADE, màu sơn: Đỏ - đen, biển kiểm soát: 23D1- 400.07 xe cũ đã qua sử dụng; 01 *(một)* điện thoại di động IPHONE 6 màu ghi, đã qua sử dụng. Xe mô tô và điện thoại di động trên là tài sản hợp pháp của bị hại Đặng Văn B. Xét thấy không cần thiết phải tạm giữ thêm, CQĐT đã trả lại tài sản trên cho chủ sở hữu nhận lại tài sản không có yêu cầu bổ sung nên HĐXX không xem xét; 01 *(một)* xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, loại SIRIUS, màu xám-đen, biển kiểm soát 23H1-192.63, đã qua sử dụng. Xe mô tô trên là tài sản hợp pháp của bị hại Nông Văn Nh. Xét thấy không cần thiết phải tạm giữ thêm, CQĐT đã trả lại tài sản trên cho chủ sở hữu nhận lại tài sản không có yêu cầu bổ sung nên HĐXX không xem xét.

[13] Về án phí: Buộc bị cáo D phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự có giá ngạch. Theo quy định khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 Điều 23 theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 "quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án".

[14] Về quyền kháng cáo: Bị cáo; bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 331; Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

[15] Đối với Trần Văn T khi nhận chiếc xe mô tô làm tài sản đảm bảo cho việc vay tiền, T không biết đó là tài sản của người khác, không có sự tham gia giúp sức tiêu thụ tài sản phạm pháp, do vậy không xem xét xử lý.

[16] Đối với Nguyễn Văn T khi nhận tài sản là chiếc điện thoại di động để đảm bảo cho việc vay tiền không biết đó là tài sản của người khác, không có sự tham gia giúp sức tiêu thụ tài sản phạm pháp do vậy không xem xét xử lý.

[17] Đối với Lèng Vi Ch là bạn bè quen biết đối với Xuân Văn D, khi bán hộ xe mô tô Ch không biết đó là tài sản của người khác, việc D đưa cho Ch số tiền 1.000.000đ *(một triệu đồng)* là tự nguyện, không có sự thỏa thuận từ trước, Xuân Văn D không yêu cầu Lèng Vi Ch phải trả lại số tiền trên, do vậy không xem xét xử lý.

[18] Đối với Nguyễn Văn D khi mua tài sản là chiếc xe mô tô không biết đó là tài sản do D phạm tội mà có, không có sự tham gia giúp sức tiêu thụ tài sản phạm pháp do vậy không xem xét xử lý.

[19] Bị cáo Xuân Văn D đã bị Tòa án nhân dân thành phố H tuyên phạt 22 tháng tù về tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" tại Bản án số 07/2023/HS-ST, ngày 09/3/2023. Căn cứ Điều 56 Bộ luật hình sự, HĐXX quyết định hình phạt đối với tội đang xét xử và quyết định hình phạt chung của bản án đã tuyên (ngày 06/6/2023) và hình phạt của bản án xét xử ngày 09/3/2023 để buộc bị cáo D phải chấp hành hình phạt chung của cả hai bản án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 175; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38, Điều 48, Điều 50, Điều 56 Bộ luật hình sự năm 2015; Điều 106, khoản 2 Điều 136, Điều 331, Điều 333, Điều 337 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 357, Điều 585, Điều 589 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 3, Điều 6 Nghị quyết số: 02/2022/NQ-HĐTP ngày 06/9/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao "*Hướng dẫn áp dụng một số quy định của bộ luật Dân sự về trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng";* Điều 23 theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 "quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án". Tuyên xử:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Xuân Văn D phạm tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản".

2. Hình phạt: Xử phạt bị cáo Xuân Văn D 26 (hai mươi sáu) tháng tù. Tổng hợp chung của bản án số 07/2023/HS-ST, ngày 09/3/2023 của Tòa án nhân dân thành phố H với hình phạt 22 (hai mươi hai) tháng tù về tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản". Bị cáo D phải chấp hình phạt chung của hai bản án là 48 (bốn mươi tám) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam (ngày 24/11/2022).

3. Trách nhiệm dân sự:

Buộc bị cáo Xuân Văn D phải trả lại cho anh Nguyễn Văn D, sinh năm 1989; Địa chỉ: Tổ 06, thị trấn Vị Xuyên, huyện V, tỉnh H số tiền: 5.000.000đ *(Năm triệu đồng).*

Buộc bị cáo Xuân Văn D phải trả cho anh Trần Văn T, sinh năm 1985; Địa chỉ: Tổ 10, phường Nguyễn Trãi, thành phố H, tỉnh H số tiền 3.500.000đ *(Ba triệu năm trăm nghìn đồng).*

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật, có đơn yêu cầu thi hành án, bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

4. Án phí: Bị cáo Xuân Văn D phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự có giá ngạch là 425.000 đồng.

5. Quyền kháng cáo: Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 06/6/2023). Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7,

Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có QL,NV liên quan đến vụ án;
- VKSND huyện Vị Xuyên;
- VKSND tỉnh;
- Công an huyện Vị Xuyên;
- Tòa án nhân dân tỉnh;
- Sở tư pháp Hà Giang;
- Chi cục THA dân sự huyện Vị Xuyên;
- Lưu hs, hstha, vp.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Xuân